HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2025/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Xét Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 48/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt

động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng thực hiện

Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ lãi suất vay vốn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt, đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật để phục vụ vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt đến các xã, khu kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

b) Có vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt, đầu tư phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh và đảm bảo sử dụng đúng mục đích vốn vay.

c) Phương tiện xe buýt đầu tư phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên *(không kể chỗ của người lái xe)*, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

d) Đảm bảo các quy định hiện hành về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Được tính theo tổng số tiền vay nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Mức hỗ trợ lãi suất: Bằng 70% lãi suất phải trả thực tế trong hạn mức theo thời gian hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Thời hạn hỗ trợ: Theo thời hạn hợp đồng vay vốn của tổ chức tín dụng nhưng tối đa hỗ trợ không quá 60 tháng.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Các tuyến xe buýt nội tỉnh đến các xã gồm: Ba Vì, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Kỳ, Sơn Tây Thượng, Trà Bồng, Bờ Y, Kon Plông, Rờ Kơi *(riêng tuyến xe buýt nội tỉnh đến xã Sơn Hà hỗ trợ cho đến khi tuyến xe buýt nội tỉnh đến xã Sơn Kỳ chính thức đưa vào khai thác)*.

b) Các tuyến xe buýt nội tỉnh đến các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Hỗ trợ 20% giá vé/ghế thiết kế/lượt xe theo giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Thời hạn hỗ trợ kinh phí hoạt động các tuyến xe buýt quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo thời hạn hợp đồng khai thác tuyến do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết với đơn vị kinh doanh vận tải.

Điều 6. Miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Miễn giá vé cho các đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt:

a) Trẻ em dưới 6 tuổi;

b) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

c) Thương binh, bệnh binh;

d) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

đ) Anh hùng lao động;

e) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

g) Người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng.

2. Giảm 50% giá vé cho các đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt:

a) Học sinh, sinh viên, học viên là công dân Việt Nam đang học tại các trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có thời gian học từ 09 tháng trở lên;

b) Người khuyết tật (trừ người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng);

c) Người cao tuổi (theo Luật người cao tuổi).

3. Giảm 20% giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là công nhân đi lại làm việc tại các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các tuyến xe buýt nội tỉnh (đến các xã phía Đông Quảng Ngãi) thuộc đối tượng được hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo Nghị quyết số 48/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, nhưng đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành vẫn chưa được giải quyết hỗ trợ thì được tiếp nhận và giải quyết theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 48/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd(Ttka).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Đức Tuy